

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2022;
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa và Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và các báo cáo, hồ sơ tài liệu của Công ty.

Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và dự kiến Kế hoạch hoạt động năm 2023, như sau:

PHẦN I:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty năm 2022 gồm 03 thành viên (theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/6/2020):

- Bà Lê Thị Hà – Trưởng ban chuyên trách
- Ông Nguyễn Công Khanh – Thành viên kiêm nhiệm
- Bà Trịnh Thị Huyền – Thành viên kiêm nhiệm,

Căn cứ Kế hoạch công tác năm 2022 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp. Các thành viên tham dự họp đầy đủ.

2. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao và quyền lợi của Ban Kiểm soát được Công ty chi trả theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 quyết nghị, theo đó: Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách và các quyền lợi theo quy định tại ND 53/2016/ND-CP quy định về quản lý, lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà Nước; Các thành viên kiêm nhiệm hưởng thù lao mức 02 trđ/người/tháng.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý điều hành khác của Công ty

1. Đối với Hội đồng quản trị

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp và xin ý kiến bằng văn bản để thông nhất các vấn đề chỉ đạo hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Hội đồng quản trị đã ban hành 02 nghị quyết, 37 quyết định và các tờ trình, báo cáo tập trung vào các nhóm vấn đề: (1) Xây dựng ban hành nội quy, quy chế Công ty; (2) Quyết định phê duyệt các kế hoạch về tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển; kế hoạch lao động, tiền lương và các quyết định chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty; (3) Quyết định phê duyệt dự án cải tạo dây chuyền công nghệ và nâng công suất Nhà máy nước Mật Sơn từ 50.000m³/ngđ lên 70.000m³/ngđ theo chủ trương Nghị quyết đại hội cổ đông; (4) Tờ trình, báo cáo cổ đông. Tại các phiên họp, Hội đồng quản trị đều có phân tích đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, qua đó kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp để tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách cẩn trọng. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong phạm vi thuộc thẩm quyền, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp đầy đủ và có ý kiến rõ ràng, xác đáng về các vấn đề được đưa ra thảo luận, lấy ý kiến. Nghị quyết thông qua với 100% thành viên tán thành; cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi biên bản đầy đủ và được lưu giữ theo quy định.

2. Đối với Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành Công ty

Năm 2022, Tổng giám đốc và các thành viên điều hành Công ty luôn nỗ lực, cố gắng và bằng nhiều giải pháp, quyết tâm tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu chính nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Các thành viên điều hành đều xây dựng chương trình làm việc; thường xuyên kiểm tra, giám sát, nắm bắt hoạt động của đơn vị; hàng tháng từng thành viên điều hành được giao chủ trì hội nghị giao ban, qua đó đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo, toàn diện và nâng cao trách nhiệm cá nhân trong công tác điều hành, thực hiện có hiệu quả chương trình công tác đã xây dựng. Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc luôn báo cáo, đề xuất Hội đồng quản trị về những vấn đề còn vướng mắc để xin chủ trương trên tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành; thực hiện tốt sự

phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; đảm bảo tuân thủ pháp luật, điều lệ và nội quy, quy chế Công ty.

III. Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan đến các thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Không có giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan đến các thành viên đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

IV. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận hồ sơ, tài liệu và tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Ban kiểm soát. Các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Hội đồng quản trị; các Báo cáo của Tổng Giám đốc và tài liệu Công ty phát hành được gửi đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và một số cuộc họp của Công ty để theo dõi, nắm bắt việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp, trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có những đánh giá, kiến nghị, đề xuất trong công tác quản lý và điều hành; không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu, kiến nghị nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, người lao động Công ty yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

V. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nghị quyết đại hội cổ đông giao

1. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều khó khăn, như: Đại dịch covid-19 bùng phát; các yếu tố chi phí sản xuất, chi phí nguyên vật liệu xây dựng tăng cao ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của Công ty... Trong điều kiện khó khăn đó, Công ty đã có nhiều giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, khai thác, tận dụng mọi nguồn lực, tiết giảm các khoản chi phí, chi tiêu, giữ vững sự ổn định sản xuất kinh doanh; đảm bảo cấp nước cho khách hàng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022, như sau:

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết năm 2022	Thực hiện năm 2022	So với NQ	So với 2021
1	Nước hàng hóa (m3)	36.358.718	37.424.900	102,9%	106,4%
2	Tổng doanh thu và TN (trđ)	385.639	419.809	108,9%	105,9%
	- Tiền nước	372.364	388.848	104,4%	107,5%
	- Xây lắp, tư vấn, khác	13.275	21.407	161,2%	78%
	- Doanh thu tài chính	-	2.120	-	55,3%
	- Thu nhập khác	-	7.434	-	218%
3	Tỉ lệ thất thoát (%)	17,7	17,5	- 0,2	- 0,35
4	PTKH (hộ)	10.735	14.364	133,8%	109%
5	Thuế và cổ tức nộp NN				
	- Tiền thuế	40.000	51.149	127,9%	114,3%
	- Cổ tức năm 2021		18.192		
6	L/nhuận trước thuế(trđ)	40.500	53.499	132%	104,8%
7	TN q (trđ/ng/th)	10,045	10,840	107,9%	107,9%
8	Cổ tức (%)	6,87%	9,06%	132%	104,6%

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cấp nước: Doanh thu đạt 388.848 triệu đồng, chiếm gần 95% tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2021. Để có được doanh thu này, năm qua Công ty đã quyết tâm đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước theo chiều sâu; tranh thủ sự ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương và sự hỗ trợ của tổ chức Vnhelp, đầu tư chọn lọc phát triển khách hàng, theo đó đến hết năm, Công ty đã có hơn 220 nghìn hộ khách hàng, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững lâu dài cho ngành nghề kinh doanh cấp nước; tỉ lệ thất thoát, thất thu nước đạt 17,5% (giảm 0,35% so với năm 2021 và 0,2 % so với nghị quyết); các chi phí, chi tiêu được tiết giảm; nguồn vốn tự

có và nguồn vốn vay được sử dụng hợp lý, hiệu quả, góp phần tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên tỉ lệ khách hàng 0m³ mặc dù đã giảm hơn so với cùng kỳ 0,38% song vẫn đang còn ở tỉ lệ cao.

- Hoạt động Tư vấn, xây lắp và dịch vụ khác: Doanh thu thực hiện gần 21.407 triệu đồng, chiếm 5% trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Hoạt động tài chính: Có doanh thu 2.120 triệu đồng.

- Thu nhập khác: 7.434 triệu đồng, chủ yếu là các khoản thu về bồi thường GPMB và tổ chức Vnhelp hỗ trợ dự án cấp sạch cho người dân khu vực Yên định, Nông Công, Triệu Sơn.

2. Trong công tác đầu tư xây dựng

Công ty thực hiện đầu tư mua sắm, xây dựng và cải tạo nâng cấp 43 công trình, hạng mục công trình cấp nước, trong đó có 14 công trình năm trước chuyển sang; 29 công trình, hạng mục công trình mới. Tổng giá trị 71.622 triệu đồng, trong đó đã tăng tài sản là 55.713 triệu đồng; giá trị chuyển sang năm sau là 15.909 triệu đồng. Các công trình đầu tư, mua sắm bằng nguồn vốn khấu hao và vốn vay. Thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục đầu tư được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên tiến độ thực hiện một số công trình sửa chữa cải tạo và thanh quyết toán còn chậm.

Dự án cải tạo dây chuyền công nghệ và nâng công suất Nhà máy nước Mật Sơn từ 50.000m³/ngđ lên 70.000m³/ngđ đã và đang triển khai thực hiện theo quy định.

VI. Về thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

Công ty thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định của pháp luật. Áp dụng chế độ Kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm; các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng nhất quán trong suốt năm tài chính; sổ sách, chứng từ kế toán ghi chép rõ ràng, đầy đủ, khoa học.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, là tổ chức kiểm toán được Bộ tài chính quyết định chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán (QĐ số 2141/QĐ-BTC, ngày 12/11/2021)

Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán, đồng thời có nhận xét, đánh giá về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và các chỉ tiêu tài chính như sau:

1. Tổng doanh thu và thu nhập: Đạt 419.809 triệu đồng, bằng 108,9% kế hoạch, tăng 5,9% so với năm 2021; trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,7% trên tổng doanh thu và thu nhập.

2. Lợi nhuận sau thuế và khả năng sinh lời

- Lợi nhuận sau thuế: 42.723 triệu đồng, bằng 131,9% kế hoạch, tăng 4,6% so với năm 2021;

- Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 12,1%, tăng 0,2% so với năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) là 6,09% (năm 2021 là 5,75%);

3. Nợ phải trả và khả năng thanh toán:

- Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,78 (đầu kỳ 0,83);

- Khả năng thanh toán tổng quát là 2,28 (đầu kỳ 2,2)

- Khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,81 (đầu kỳ 0,8)

- Khả năng thanh toán nhanh là 0,64 (đầu kỳ là 0,64)

- Công ty không có nợ phải trả quá thời hạn cam kết.

4. Hệ số bảo toàn vốn là 1,02.

VII. Việc chấp hành chính sách pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Về chấp hành chính sách pháp luật và nghĩa vụ với Nhà nước

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường, xã hội; quản lý vốn, tài chính, thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật. Nộp thuế, phí và cổ tức cho Nhà nước đúng, đủ, kịp thời, không nợ đọng.

2. Về thực hiện một số Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022

a) *Về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và chia cổ tức:* Công ty thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đã chi trả cổ tức cho các cổ đông trong tháng 7/2022.

b) *Về tiền lương và thù lao của các cán bộ quản lý:* Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông năm 2022.

c) Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, đơn vị được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất lựa chọn.

VIII. Đề xuất kiến nghị

- Tiếp tục có giải pháp hiệu quả để giảm đến mức thấp nhất số lượng khách hàng sử dụng 0m³ nước;
- Thực hiện nhanh quy trình chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị mạng và quản trị doanh nghiệp;
- Đẩy nhanh tiến độ tổ chức thi công và thanh quyết toán công trình sửa chữa, cải tạo.

PHẦN II:

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Tiếp tục giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong công tác quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
2. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển và sửa chữa cải tạo năm 2023;
3. Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; tài liệu, báo cáo đánh giá công tác quản lý Công ty;
4. Giám sát việc chấp hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các quy định của Pháp luật hiện hành.
5. Kiểm tra, giám sát một số nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông (báo cáo);
- HĐQT, TGD;
- Lưu Cty, BKS./.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Thị Hà

TỜ TRÌNH

Vv: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hoá ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 13/04/2023 của HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được “Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (iCPA)” kiểm toán năm 2022, bao gồm:

1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 (Mẫu số B01-DN);
2. Báo cáo kết quả HĐKD năm 2022 (Mẫu số B02-DN);
3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2022 (Mẫu số B03-DN).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính./.

(Có các mẫu số B01-DN; B02-DN; B03-DN kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110,114,752,430	101,199,108,411
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34,749,550,189	22,665,340,924
1. Tiền	111		2,096,914,350	3,152,268,291
2. Các khoản tương đương tiền	112		32,652,635,839	19,513,072,633
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	20,479,467,468	25,281,065,977
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20,479,467,468	25,281,065,977
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,880,883,291	31,440,707,783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31,424,260,335	38,853,760,925
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		941,142,000	899,422,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	25,123,775,547	14,496,316,203
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(25,608,294,591)	(22,808,792,245)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22,154,135,496	20,455,870,147
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22,154,135,496	20,455,870,147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		850,715,986	1,356,123,580
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		825,576,508	1,321,720,028
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	25,139,478	34,403,552
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		591,083,357,135	608,066,886,802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
I. Tài sản cố định	220		563,347,149,283	568,941,869,520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	563,278,682,605	568,841,802,846
- Nguyên giá	222		1,388,995,170,418	1,333,282,148,864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(825,716,487,813)	(764,440,346,018)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	68,466,678	100,066,674
- Nguyên giá	228		572,621,550	572,621,550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(504,154,872)	(472,554,876)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		15,909,575,991	28,042,683,540
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	15,909,575,991	28,042,683,540
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		11,826,631,861	11,082,333,742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	11,826,631,861	11,082,333,742
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		701,198,109,565	709,265,995,213
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		306,946,936,517	323,016,531,712
I. Nợ ngắn hạn	310		135,579,674,043	125,200,519,344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	37,766,072,944	33,977,043,974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,793,875,927	3,701,123,173
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	4,382,586,418	3,898,355,994
4. Phải trả người lao động	314		14,462,733,389	10,700,495,263
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13a	5,814,521,502	2,812,026,333
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	36,249,192,000	36,905,126,187
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	26,112,749,896	26,112,749,898
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,997,941,967	7,093,598,522
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		171,367,262,474	197,816,012,368
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13b	2,674,000,000	3,010,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	168,693,262,474	194,806,012,368
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		394,251,173,048	386,249,463,501
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	394,251,173,048	386,249,463,501
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21,573,334,792	15,445,919,726
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42,723,728,256	40,849,433,775
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42,723,728,256	40,849,433,775
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		701,198,109,565	709,265,995,213

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu



Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Cẩn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	410,254,794,235	389,045,297,929
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		410,254,794,235	389,045,297,929
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	274,884,733,135	264,124,912,844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135,370,061,100	124,920,385,085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,120,074,380	3,830,260,867
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16,492,467,268	14,943,569,748
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,492,467,268	14,943,569,748
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	36,157,686,087	31,482,521,763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	38,744,310,123	34,625,726,488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46,095,672,002	47,698,827,953
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7,434,667,873	3,398,540,557
12. Chi phí khác	32		30,569,055	35,576,295
13. Lợi nhuận khác	40		7,404,098,818	3,362,964,262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,499,770,820	51,061,792,215
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	10,776,042,564	10,212,358,440
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42,723,728,256	40,849,433,775
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,101	1,052
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,101	1,052


Thanh Hóa, ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu



Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga



Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Càn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	466,175,132,781	431,966,167,054
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(202,638,579,442)	(179,490,050,390)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(90,905,173,500)	(111,573,170,000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(13,825,972,099)	(15,863,947,780)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10,652,333,740)	(10,217,062,959)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15,263,261,676	10,959,030,688
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(59,923,739,664)	(54,037,204,587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103,492,596,012	71,743,762,026
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43,579,914,005)	(58,072,052,795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(903,743,245)	(5,276,011,183)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,705,341,754	56,894,327,145
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,077,282,283	4,982,603,767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36,701,033,213)	(1,471,133,066)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	12,500,000,000	40,651,761,725
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(38,612,749,896)	(65,194,511,621)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28,594,603,638)	(27,906,538,476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54,707,353,534)	(52,449,288,372)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12,084,209,265	17,823,340,588
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22,665,340,924	4,842,000,336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	34,749,550,189	22,665,340,924

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu



Đặng Thị Tien

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Càn

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022; Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 - Đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch SXKD của công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2023.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa trình Đại hội đồng cổ đông Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2023, bao gồm các nội dung khái quát như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2022: 329.954.110.000 đồng

- Vốn cổ đông khác 120.030.400.000 đồng bằng 36,38% vốn điều lệ.
- Vốn Nhà nước 209.923.710.000 đồng bằng 63,62% vốn điều lệ.

2. Về phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức năm 2022

2.1. Phân phối lợi nhuận năm 2022:

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 53.499.770.820 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 10.776.042.564 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập: 42.723.728.256 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi = 12.817.118.476 đồng:

- Quỹ đầu tư phát triển: 42.723.728.256 đồng x 15% = 6.408.559.238 đồng;

- Quỹ k/thưởng phúc lợi: 42.723.728.256 đồng x 15% = 6.408.559.238 đồng;

2.2. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (lợi nhuận còn lại):

(Lợi nhuận còn lại: 42.723.728.256 - 12.817.118.476 đ = 29.906.609.780 đồng)

- Cổ đông Nhà nước được hưởng lợi tức (63,62%): 19.026.585.142 đồng;

- Cổ đông khác được hưởng lợi tức (36,38%): 10.880.024.638 đồng;

(Tỷ lệ cổ tức năm 2022: 9,06 %).

3. Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2023:

Vốn điều lệ : **329.954.110.000** đồng

- Vốn cổ đông khác **120.030.400.000** đồng bằng **36,38%** vốn điều lệ.

- Vốn Nhà nước **209.923.710.000** đồng bằng **63,62%** vốn điều lệ.

3.1. Dự kiến Kết quả hoạt động SXKD năm 2023

a) Doanh thu và thu nhập (Kế hoạch SXKD): 415.228.544.086 đồng

b) Kết quả hoạt động (Kế hoạch SXKD): Lãi 40.500.000.000 đồng

3.2. Dự kiến Phân phối lợi nhuận năm 2023

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 40.500.000.000 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%): 8.100.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 32.400.000.000 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ công ty:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi: 9.720.000.000 đồng

Trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: 32.400.000.000 đ x 15% = 4.860.000.000 đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 32.400.000.000 đ x 15% = 4.860.000.000 đồng)

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức:

Lợi nhuận còn lại: 32.400.000.000 đ - 9.720.000.0 đ = 22.680.000.000 đồng

3.3. Dự kiến Phân chia cổ tức cho các cổ đông (22.680.000.000 đồng)

Tỷ lệ cổ tức năm 2023: 22.680.000.000 đ : 329.954.110.000 đ = 6,87 %.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam

Số: 15/TT- HĐQT

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước .

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/07/2021 của Hội đồng quản trị công ty;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về mức tiền lương và thù lao năm 2023 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và thư ký công ty, cụ thể như sau:

1. Về tiền lương

a) Tiền lương của người Quản lý chuyên trách Công ty, bao gồm: (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng công ty). Thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

b) Các thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm); Thư ký công ty hưởng lương theo phương án phân phối tiền lương của người lao động năm 2023 do công ty quy định.

2. Mức thù lao:

a) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 đ/người/tháng

- Tiền Thù lao một năm của thành viên HĐQT không chuyên trách là:

$$4 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 144.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng

- Tiền thù lao 1 năm của thành viên BKS không chuyên trách là:

$$2 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

c) Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2023 là:

$$144.000.000 \text{ đ} + 48.000.000 \text{ đ} = 192.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBCK ngày 18/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS);

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá năng lực 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH kiểm toán PKF VIETNAM (PKF);
- Công ty TNHH Kiểm toán VaCo (VACO);
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA).

Sau khi đánh giá các đơn vị kiểm toán này, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính Công ty năm 2023:

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (IPCA)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ Chi nhánh Miền Trung: Tầng 9, tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn: Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế đã được Bộ tài chính và ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023 theo Quyết định số 909/QĐ-UBCK ngày 18/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(Kèm theo Danh sách 30 Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023).

Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Nam